

Theo QĐ số: 705/QĐ-UBND ngày 11/12/2025

STT	Họ và tên	Hệ số lương đang hưởng	% PC thâm niên			Lương	Số tháng	Chức vụ		Tổng cộng	Các khoản thu			Tổng lĩnh	Thời gian tăng
			Hệ số cũ	Hệ số mới	Chênh lệch			Hệ số	Số tiền		1% BHTN	1,5% BHYT	8% BHXH		
1	Lê Thanh Hà	4,34	16%	17%	1%	101.556	1	0	-	101.556	1.016	1.523	8.124	90.893	T12-T12
2	Nguyễn Thị Hồng Phúc	4,34	18%	19%	1%	101.556	3	0,15	10.530	315.198	3.152	4.728	25.216	282.102	T10-T12
3	Lê Thị Dung	4,34	18%	19%	1%	101.556	3,5		-	355.446	3.554	5.332	28.436	318.124	15/T9-T12
4	Trần Thị Hải Yến	4,68	19%	20%	1%	109.512	4		-	438.048	4.380	6.571	35.044	392.053	T9-T12
5	Nguyễn Thị Thu Hường	4,68	19%	20%	1%	109.512	4		-	438.048	4.380	6.571	35.044	392.053	T9-T12
6	Nguyễn Thị Nga	5,36	23%	24%	1%	125.424	4	0,2	18.720	520.416	5.204	7.806	41.633	465.772	T9-T12
7	Lại Thị Thu Hà	5,02	23%	24%	1%	117.468	4		-	469.872	4.699	7.048	37.590	420.535	T9-T12
8	Bùi Thị Hôi	5,36	24%	25%	1%	125.424	4	0	-	501.696	5.017	7.525	40.136	449.018	T9-T12
9	Nguyễn Thị Hải	4,00	16%	17%	1%	93.600	3		-	280.800	2.808	4.212	22.464	251.316	T10-T12
10	Lò Văn Thân	3,66	13%	14%	1%	85.644	4		-	342.576	3.426	5.139	27.406	306.606	T9-T12
11	Đặng Văn Tuyền	3,33	8%	9%	1%	77.922	5	0,2	23.400	413.010	4.130	6.195	33.041	369.644	T8-T12
12	Hồ Ngọc Trâm	4,68	20%	21%	1%	109.512	5		-	547.560	5.476	8.213	43.805	490.066	T8-T12
	Cộng	53,79	217%	229%	12%	1.258.686	45	1	52.650	4.724.226	47.242	70.863	377.938	4.228.182	

Thanh Núa, ngày tháng năm 2025

KẾ TOÁN



Hà Lâm Tuyền

BH	TM	ST
BH 10,5%	6115	496.044


HÀ LÂM TUYÊN
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH NÚA
Nguyễn Thị Thu Hằng